

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 5 - 2020

V/v tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLPT - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2020/HNGĐ-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Tạ Trúc T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số 149F, đường K, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Trúc T tổ chức đám cưới và chung sống với nhau ngày 16/4/2014, đến ngày 20/6/2016 lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 5 năm 2019, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo anh T trình bày là do anh có ý định đi xuất khẩu lao động nước ngoài nên rủ chị T cùng đi nhưng chị T không đồng ý dẫn đến anh chị cự cãi với nhau, chị T bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống cho đến nay. Mặc dù, gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng anh, chị không tiếp tục chung sống với nhau

được, riêng chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh T chỉ lo ăn chơi, không biết quan tâm lo lắng cho gia đình và có yêu cầu chị đi xuất khẩu lao động không hợp pháp nên chị không đồng ý từ đó, gia đình bên chồng cùng anh T không đồng ý cho chị tiếp tục chung sống bên gia đình của anh T. Vì vậy, chị mới về nhà cha mẹ đẻ sinh sống. Nay anh T xin ly hôn, chị T đồng ý.

Về con chung là Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 10/12/2015, hiện đang chung sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con bởi cháu T sống với gia đình anh từ bé. Hơn nữa, anh là Giám đốc của một doanh nghiệp có thu nhập và chỗ ở ổn định nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con về cả vật chất lẫn tinh thần. Riêng chị T cho rằng chị cũng có đủ điều kiện nuôi con bởi chị có công việc làm, thu nhập ổn định, hoàn cảnh sống của chị đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con. Hơn nữa, cháu T là nữ giới còn anh T tuy là Giám đốc doanh nghiệp nhưng công việc kinh doanh của anh thường xuyên phải sống xa nhà nên điều kiện chăm sóc, gần gũi con hầu như không có mà chủ yếu là con chung sống dưới sự quản lý, chăm sóc của ông bà nội. Do đó, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Trúc T khai không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2020/HNGĐ-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn chị Tạ Trúc T.

- Về con chung là Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 10/12/2015, hiện đang chung sống với anh Nguyễn Văn T. Buộc anh T giao con cho chị Tạ Trúc T chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Trúc T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/3/2020 anh Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 10/12/2015.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Án sơ thẩm nhận định vì bé T là nữ nên giao cho mẹ nuôi là chưa phù hợp, bởi lẽ chị T không đủ điều kiện nuôi con vì chị không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không ổn định, chị chưa tốt nghiệp Phổ thông trung học nên không thể làm kế toán Công ty; ngày ly thân chị đi bỏ lại con cho anh nuôi, thời gian qua anh không cản trở chị T thăm con. Hiện tại bé T có cuộc sống ổn định, đầy đủ vì có ông bà nội cùng với anh chăm sóc.

Bị đơn trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm, chị T yêu cầu nuôi con; tuy chị chưa có bằng Kế toán nhưng làm Công ty tư nhân được giao nhiệm vụ kế toán lương khoảng 7.000.000 đồng/tháng, với số tiền này chị đủ chi phí cho hai mẹ con, lo được cho con đi học; thời gian qua anh T nuôi con vẫn tốt nhưng chị thấy mẹ nuôi con sẽ thuận tiện hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Chấp nhận kháng cáo của anh T, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2020/HNGĐ-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định: Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn chị Tạ Trúc T; về con chung giao cho chị T trực tiếp nuôi, buộc anh T giao cháu Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 10/12/2015 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T kháng cáo yêu cầu trực tiếp nuôi con, không đặt ra cấp dưỡng.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm giao con chung cho anh trực tiếp nuôi

Nhận thấy, hai đương sự có một người con chung, cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con, với yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con được quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trên cơ sở đó phải xem xét đến điều kiện cụ thể của người trực tiếp nuôi con. Về phía chị T trình bày hiện tại chị đang hợp đồng lao động làm kế toán cho Công ty mức lương 7.000.000 đồng/tháng, trong khi chị chưa có nhà ở ổn định nếu số tiền này mà chi phí toàn bộ cuộc sống, sinh hoạt của hai mẹ con thì sẽ gặp khó khăn, từ đó có thể ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của cháu T. Mặt khác, khi ly thân chị T đi khỏi nhà chồng và không mang con theo (có xác nhận của Trưởng ấp T là ngày 07/12/2019 anh T có trình báo chính quyền chị T bỏ nhà đi đâu không rõ và không mang con gái theo).

Trong khi đó, anh T có nhà ở, có thu nhập ổn định theo anh trình bày 30 triệu đồng/tháng, anh T đang ở chung nhà cha mẹ ruột nên ông bà nội cũng hỗ trợ trong việc chăm sóc cháu và cháu T cũng chuẩn bị vào lớp 1 cho nên cũng tốn nhiều chi phí cho việc học tập, sinh hoạt hàng ngày...; ngoài ra, từ khi ly thân anh T nuôi con đến nay, có cuộc sống ổn định, nếu buộc giao cháu T cho chị T sẽ làm xáo trộn môi trường sống của cháu. Hiện tại, cháu T học tại trường Mầm non A ở ấp Tân D, xã A nên chị T có điều kiện thăm nom con, tại phiên tòa chị xác nhận thời gian qua chị vẫn được thăm con và sau này chị vẫn có quyền xin thay đổi việc nuôi con theo quy định pháp luật.

Với những phân tích trên, nhận thấy giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của anh T.

[2] Từ nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của anh T; sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2020/HNGĐ-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa: Được chấp nhận vì phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh T không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2020/HNGĐ-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn chị Tạ Trúc T.

2. Về con chung là Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 10/12/2015, hiện đang chung sống với anh Nguyễn Văn T. Giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh T. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung, anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Trúc T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Minh T) phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 18/12/2019, anh T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001177 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: anh T không phải chịu, anh T đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai số 0001543 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại toàn bộ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã A, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền